TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/DS-PT
Ngày 04-12-2023.
"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thăng Bằng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST, ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2023/QĐ-PT, ngày 06/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 248/2023/QĐ-PT, ngày 24/11/2023, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng A (trệt), tầng 2, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, gồm:

- Ông Đinh Trung T (vắng mặt).
- Ông Ngô Thanh V (vắng mặt).
- Ông Bùi Phúc V1 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng F, tòa nhà P, số B đường U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2023).

2- *Bị đơn*:

2.1- Ông Nguyễn Bùi Tấn H, sinh năm 1981 (có mặt).

2.2- Bà Lê Thị P, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Bùi Tấn H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

* *Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày*:

Ngân hàng TMCP Q, Phòng G với ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 061.HĐTD.678.19 ngày 16/02/2019 để vay số tiền 440.000.000đ; mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô 07 chỗ ngồi, nhãn hiệu MITSUBISHI XPANDER biển kiểm soát 83A-078.13 theo hợp đồng mua bán số 1901046/HĐMB/19, mục đích sử dụng để phục vụ đi lại trong gia đình; thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 19/02/2027; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,5%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 05, mỗi tháng trả 4.580.000đ, tháng cuối trả 4.900.000đ, kỳ hạn nợ đầu tiên ngày 05/3/2019; Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 05, kỳ trả lãi đầu tiên ngày 05/3/2019; Trả phí: theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì đến ngày 05/3/2020 phía ông H và bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Do không có khả năng thanh toán nên ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P đồng ý giao cho Ngân hàng TMCP Q tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI XPANDER, biển kiểm soát 83A-078.13 bán đấu giá để Ngân hàng thu hồi nợ. Tài sản được đưa ra bán đấu giá với tổng số tiền là 380.000.000đ trừ phí dịch vụ bán đấu giá là 10.046.000đ, còn lại số tiền 369.954.000đ Ngân hàng ưu tiên thu trừ vào tiền nợ gốc. Do đó, tạm tính đến ngày 16/9/2021 thì ông H và bà P đã thanh toán cho Ngân hàng tiền trả định kỳ và tiền bán đấu giá tài sản được tổng số tiền 457.869.791đ, trong đó: nợ gốc là 419.964.000đ, lãi là 37.905.791đ. Đồng thời, còn nợ Ngân hàng số tiền là 113.235.276đ, trong đó, nợ gốc là 20.036.000đ, lãi 93.199.276đ. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu phía ông H và bà P trả số tiền còn nợ nhưng ông H và bà P vẫn không thanh toán. Tạm tính đến ngày 24/7/2023 thì ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 144.926.700đ, trong đó, nợ gốc là 20.036.000đ, lãi trong hạn 6.582.096đ, lãi quá hạn 118.308.604đ.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 24/7/2023 với tổng số tiền còn nợ là 144.926.700đ, trong đó, nợ gốc là 20.036.000đ, lãi trong hạn còn nợ 6.582.096đ, lãi quá hạn 118.308.604đ. Đồng thời, yêu cầu tiếp tính lãi cho đến khi ông H và bà P thanh toán xong khoản nợ đối với Ngân hàng theo

mức lãi các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 061.HĐTD.678.19 ngày 16/02/2019.

** Tại biên bản xác minh ngày 19/6/2023 bị đơn bà Lê Thị P trình bày*:

Bà và chồng bà là ông Nguyễn Bùi Tấn H có vay của Ngân hàng TMCP Q số tiền 440.000.000đ, vay để mua xe. Trong quá trình vay thì vợ chồng bà không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng do dịch bệnh. Nên Ngân hàng đã lấy chiếc xe để thanh toán số nợ. Khi Ngân hàng lấy xe thì xem như vợ chồng bà đã trả đủ tiền cho Ngân hàng mà không phải trả thêm nợ nữa. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 113.235.276đ như đơn khởi kiện thì bà không đồng ý. Bà có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt nhưng không đồng ý ký tên. Do chồng bà không có nhà nên không dám ký nhưng bà có thông báo cho chồng bà biết.

** Bị đơn ông Nguyễn Bùi Tấn H vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST, ngày 24/7/2023 đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đến ngày 24/7/2023 với tổng số tiền còn nợ là 144.926.700 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 20.036.000 đồng, lãi trong hạn 6.582.096 đồng, lãi quá hạn 118.308.604 đồng.

Kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q, thì hàng tháng ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 061. HĐTD.678.19 ngày 16/02/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07/8/2023, bị đơn Nguyễn Bùi Tấn H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể như sau:

- Bị đơn H đồng ý trả 20.036.000đ tiền vốn còn thiếu cho Ngân hàng.

- Bị đơn H yêu cầu Ngân hàng xem xét miễn, giảm tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn H không rút lại đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Bị đơn H không chứng minh được kháng cáo của bị đơn H là có căn cứ pháp luật, trong khi người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa, bị đơn H thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, bị đơn H đồng ý trả tiền vốn còn thiếu và yêu cầu Ngân hàng miễn, giảm tiền lãi. Xét thấy, việc thay đổi 01 phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn H là trong phạm vi kháng cáo ban đầu. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận việc thay đổi một phần nội dung kháng cáo của bị đơn H.

- Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q không đồng ý theo nội dung kháng cáo xin miễn, giảm tiền lãi, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn H về việc yêu cầu Ngân hàng miễn, giảm tiền lãi, thì thấy rằng*:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H và P thừa nhận:

- Ngày 16/02/2019, bị đơn H và vợ là bị đơn P có ký Hợp đồng tín dụng và vay của Ngân hàng số tiền 440.000.000đ, để mua xe ô tô 07 chỗ, biển kiểm soát số 83A-078.13; tài sản thế chấp; thời gian vay; lãi suất ưu đãi; lãi suất trong hạn; lãi suất quá hạn... đúng nhưng người đại diện của Ngân hàng trình bày.

- Sau khi vay tiền, tính từ ngày 18/02/2019 đến ngày 05/02/2020, bị đơn H và P đã trả cho Ngân hàng được 12 kỳ, với số tiền vốn là: 54.960.000đ và tiền lãi là 37.905.791đ. Như vậy, số tiền vốn ông H bà P còn thiếu Ngân hàng là: 440.000.000đ - 54.960.000đ = 385.040.000đ.

- Từ ngày 06/02/2020 đến nay, ông H và bà P không trả vốn và lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cùng bị đơn H và P đều thừa nhận:

- Ngày 12/5/2021, bị đơn H có giao chiếc xe ô tô biển số 83A-078.13 cho Ngân hàng làm thủ tục bán đấu giá.

- Ngày 13/9/2021, chiếc xe biển số 83A-078.13 là tài sản thế chấp được đưa ra bán đấu giá, sau khi trừ phí dịch vụ bán đấu giá, Ngân hàng thu được số tiền 365.004.000đ. Ngân hàng Ư thu tiền nợ gốc, cụ thể như sau: 385.040.000đ - 365.004.000đ = 20.036.000đ.

Bị đơn H và P cho rằng: Ngày 12/5/2021, sau khi bị đơn H giao xe cho Ngân hàng thì Ngân hàng có giao một số giấy tờ liên quan cho bị đơn H, trong đó có giấy xác nhận được xem như Ngân hàng xóa nợ cho bị đơn H, do bị đơn H nghĩ đã hết nợ Ngân hàng nên không còn giữ các giấy tờ có liên quan đến việc vay tiền của Ngân hàng. Vì vậy, không thể cung cấp cho Tòa án được. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Ngày 12/5/2021, Ngân hàng có nhận xe xủa ông H để thực hiện việc bán đấu giá thu hồi nợ chứ Ngân hàng không nhận xe để cấn trừ nợ. Bị đơn H cho rằng: Khi giao xe cho Ngân hàng thì Ngân hàng đã làm giấy xóa nợ cho bị đơn H nhưng bị đơn H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh có việc xóa nợ nêu trên trong khi Ngân hàng không thừa nhận. Vì vậy, cấp sơ thẩm xử buộc bên vay là bị đơn H và P phải trả cho Ngân hàng tiền vốn và lãi còn thiếu tính đến ngày 24/7/2023 với tổng số tiền: 144.926.799đ, trong đó tiền vốn là 20.036.000đ, tiền lãi trong hạn là 6.582.096đ (tính từ ngày 06/02/2020 đế ngày 05/04/2020); lãi quá hạn của số tiền vốn vay 365.040.000đ là 111.331.415đ {tính từ ngày 06/4/2020 đế ngày 12/10/2021 (trước ngày bán xe)}; lãi quá hạn của số tiền vốn 20.036.000đ là 6.977.189đ {tính từ ngày 13/10/2021 (ngày bán xe) đến ngày 24/7/2023 (ngày xét xử sơ thẩm)}; tổng tiền lãi quá hạn là: 111.331.415đ + 6.977.189đ = 118.308.604đ là đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn H không chứng minh được kháng cáo xin miễn, giảm tiền lãi của mình là có căn cứ, trong khi người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo nội dung kháng cáo xin miễn, giảm tiền lãi của bị đơn H. Vì vậy, Hội

đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin miễn, giảm tiền lãi của bị đơn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, phù hợp với các phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*:

Do kháng cáo của bị đơn H không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 01 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 01 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Bùi Tấn H.

I- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đến ngày 24/7/2023 với tổng số tiền còn nợ là 144.926.700 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 20.036.000 đồng, lãi trong hạn 6.582.096 đồng, lãi quá hạn 118.308.604 đồng.

Kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q, thì hàng tháng ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 061. HĐTD.678.19 ngày 16/02/2019.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị đơn ông Nguyễn Bùi Tấn H và bà Lê Thị P liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 7.246.335 đồng (bảy triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 2.830.000 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006540 ngày 04/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

II- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Bùi Tấn H phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn H đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009335 ngày 08/8/2023 của của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn H đã nộp đủ án dân sự phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung